

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2021/DS-ST**
Ngày: 17-6-2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Bà Phạm Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 281/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2021/QĐSTXX-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 339/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở: Số X, đường Y, phường Z, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà KM. - Nhân viên.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L., sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Tại phiên tòa, bà KM. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị L. vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện ngày 16/7/2020 và tại các bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) là bà KM. trình bày:

Ngày 15/5/2019, bà Phạm Thị L. đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phụ lục với Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của bà L. thì Ngân hàng đã cấp cho bà L. thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Phạm Thị L. đã không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng.

Ngày 21/4/2020, A đã ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà Phạm Thị L..

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân quận Tân Phú buộc bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ chưa thanh toán tính đến ngày 17/6/2021 là: 316.580.036 (ba trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 229.316.140 đồng và tiền nợ lãi là 87.263.896 đồng). Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Và buộc bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 17/6/2021 cho đến khi trả hết số tiền nợ chưa thanh toán nói trên.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị L.: dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng các Giấy triệu tập đương sự nhưng bà Phạm Thị L. không nộp cho Tòa án văn bản ghi nhận ý kiến cũng như vắng mặt tại tất cả các lần triệu tập của Tòa án mà không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng là bà KM. có đơn với nội dung giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Phạm Thị L. vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ chưa thanh toán cả gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2021 là: 316.580.036 (ba trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 229.316.140 đồng và tiền nợ lãi là 87.263.896 đồng). Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và buộc bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng cho Ngân hàng từ sau ngày 17/6/2021 đến khi trả hết số tiền nợ chưa thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 15/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị L.; Đơn khởi kiện thì đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, là một loại tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ xác minh của Công an phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thì: Bà Phạm Thị L. có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số X2, đường Y2, phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ năm 2019 đã bán nhà, hiện nay đi đâu không rõ. Do bị đơn bà Phạm Thị L. có nơi cư trú cuối cùng tại phường Z2, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn – Ngân hàng do người đại diện theo ủy quyền là bà KM. có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà KM..

Bị đơn – bà Phạm Thị L. đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171; Điều 177, Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị L. vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Thị L..

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét Đơn khởi kiện; Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 15/5/2019 giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị L.; Tóm tắt sao kê; Điều lệ Ngân hàng; Lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà KM. cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác định: Bà Phạm Thị L. đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng vào ngày 15/5/2019.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ký kết hợp đồng nêu trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385; Điều 398; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Do bà L. đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn quy định theo hợp đồng, gây khó khăn cho nguyên đơn nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 17/6/2021 là: 316.580.036 (ba trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 229.316.140 đồng và tiền nợ lãi là 87.263.896 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Nguyên đơn yêu cầu buộc bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng cho Ngân hàng từ sau ngày 17/6/2021 đến khi trả hết số tiền nợ chưa thanh toán.

Căn cứ khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả phát sinh sau ngày 17/6/2021 là có căn cứ nên chấp nhận.

Và căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016, trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phạm Thị L. phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

- Khoản 1 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A..

[2] Buộc bà Phạm Thị L. có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/6/2021 là: 316.580.036 (ba trăm mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn không trăm ba mươi sáu) đồng (trong đó tiền nợ gốc là 229.316.140 đồng và tiền nợ lãi là 87.263.896 đồng), theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 15/5/2019 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. và bà Phạm Thị L..

[3] Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật;

nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị L. phải chịu 15.829.002 (mười lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn không trăm hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 6.096.457 (sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0070994 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài